

Số: 852/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư khai thác mỏ đá vôi Nông Tiến II (Khu vực 2), phường Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường về kế hoạch bảo vệ môi trường được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường xác thực hợp nhất tại văn bản số 11/VBHN-BTNMT ngày 25/10/2019;

Căn cứ Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 10/10/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc tổ chức Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;

Theo đề nghị của: Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư khai thác mỏ đá vôi Nông Tiến II (Khu vực 2), phường Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang đã họp ngày 04/6/2020 tại Sở Tài nguyên và Môi trường; Báo cáo kết quả thẩm định tại Tờ trình số 217/TTr-HĐTĐ-ĐTM ngày 30 tháng 6 năm 2020;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư khai thác mỏ đá vôi Nông Tiến II (Khu vực 2), phường Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiên Sơn Tuyên Quang họp ngày 04/6/2020 tại Sở Tài nguyên và Môi trường đã được chỉnh sửa bổ sung, gửi kèm văn bản số 10/CV-CT ngày 15/6/2020 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiên Sơn Tuyên Quang;

Xét đề nghị của cơ quan thường trực thẩm định.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư khai thác mỏ đá vôi Nông Tiến II (Khu vực 2), phường Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (sau đây được gọi là Dự án) của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiên Sơn Tuyên Quang với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có các trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật (*phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Nông Tiến tổ chức niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường*).

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng chống cháy, nổ, ứng cứu sự cố, an toàn lao động, an toàn hóa chất và các quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động của dự án. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu đề xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động gây ra sự cố, tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố, thông báo kịp thời cho chính quyền địa phương các cơ quan chức năng để được chỉ đạo và phối hợp xử lý, chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

4. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc sở: Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Lao động Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang; Chủ tịch UBND phường Nông Tiến; Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiên Sơn Tuyên Quang; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Thiên Sơn Tuyên Quang; (Chủ dự án)
- Chủ tịch UBND tỉnh; (Báo cáo)
- Các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Thành viên HĐ TĐ Báo cáo ĐGTĐMT dự án;
- Chuyên viên: KS, CN;
- Lưu VT, (Đ 30).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thế Giang

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ KHAI THÁC MỎ ĐÁ VÔI NÔNG TIẾN II (KHU VỰC 2), PHƯỜNG NÔNG TIẾN, THÀNH PHỐ TUYẾN QUANG, TỈNH TUYẾN QUANG

(Kèm theo Quyết định số 852/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: Dự án đầu tư khai thác mỏ đá vôi Nông Tiến II (Khu vực 2), phường Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

1.2. Địa điểm thực hiện: Khu vực 2 mỏ đá vôi Nông Tiến II tại phường Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

1.3. Chủ đầu tư dự án: Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiên Sơn Tuyên Quang.

- Địa chỉ: Tổ 10, phường Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Người đại diện: Ông Bùi Hải Phương. Chức vụ: Giám đốc.

- Quốc tịch: Việt Nam.

1.4. Phạm vi, quy mô dự án:

- Diện tích khu vực khai thác: 3,2 ha

- Diện tích khu vực chế biến và phụ trợ: 2,4445 ha.

- Trữ lượng địa chất cấp 121+122: 2.138.860 m³.

- Trữ lượng đưa vào khai thác: 1.924.974 m³ (90% trữ lượng địa chất).

- Công suất khai thác, chế biến: 120.000 m³ /năm.

1.5. Các hạng mục công trình chính của dự án:

a) Các hạng mục công trình đã có:

- Trạm nghiền sàng đá: 01 dây chuyền có công suất 100 m³/giờ

- Nhà điều hành và nhà ở công nhân: Nhà điều hành diện tích 120 m² và nhà ở cho công nhân diện tích 60 m².

- Kho vật tư: Diện tích 20 m², được xây dựng theo tiêu chuẩn nhà cấp IV.

- Kho chứa vật liệu nổ công nghiệp: Diện tích 20 m², được xây dựng cửa hai lớp, có tường chắn, hàng rào bảo vệ... theo quy phạm an toàn vật liệu nổ công nghiệp.

- Kho chứa chất thải nguy hại: Diện tích 20m², tường gạch, nền xi măng, mái lợp fibroximang.

b) Các hạng mục công trình bổ sung

- Đầu tư bổ sung thêm 01 dây chuyền nghiền sàng đá có công suất 100m³/ngày. Các thiết bị được bố trí theo sơ đồ công nghệ không có mái che.

- Mở rộng bãi chứa đất đá thải.
- Hệ thống rãnh thu, thoát nước mưa khu vực khai trường khai thác theo phương pháp tự chảy.
- Hệ thống phun nước dập bụi tại dây chuyền nghiền sàng đầu tư bổ sung.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án.

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

Dự án đầu tư khai thác mỏ đá vôi Nông Tiến II (Khu vực 2), phường Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang có quy mô khai thác 120.000 m³/năm. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, các tác động môi trường chính của dự án gồm:

- Tác động do bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ hoạt động khoan; nổ mìn; nghiền; sàng; bốc xúc; vận chuyển đất đá thải, nguyên liệu, sản phẩm.
- Tác động do nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên, người lao động.
- Tác động do nước mưa chảy tràn.
- Tác động do chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, đất đá thải từ quá trình khai thác.
- Tác động do chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

- *Nước thải sinh hoạt*: Khoảng 4,24 m³/ngày. Nước thải sinh hoạt chứa cặn bã, các chất rắn lơ lửng (SS), các chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật gây bệnh, nếu không được thu gom, xử lý và xả trực tiếp vào môi trường và nguồn tiếp nhận sẽ gây ô nhiễm môi trường đất, nước khu vực tiếp nhận.

- *Nước mưa chảy tràn*: Nước mưa chảy tràn bề mặt cuốn theo chất bẩn, bùn đất gây ô nhiễm môi trường thủy vực nơi tiếp nhận nếu không có giải pháp thu gom, tiêu thoát nước mưa chảy tràn trong quá trình triển khai dự án.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Bụi phát sinh từ hoạt động khoan, nổ mìn phá đá:
 - + *Tải lượng bụi phát sinh trong quá trình khoan đá*: Khoảng 6,563 g/s.
 - + *Tải lượng bụi phát sinh trong quá trình nổ mìn*: Khoảng 18,75 g/s.
- Bụi phát sinh trong công đoạn chế biến: Tải lượng bụi phát sinh trong quá trình nghiền, sàng đá khoảng 6,563 g/s.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt: Khối lượng phát thải khoảng 26,5 kg/ngày.
- Đất đá thải: Khối lượng phát thải khoảng 888,89 m³/năm.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Khối lượng phát thải: Dầu nhớt thải khoảng 95 kg/năm; giẻ lau dính dầu mỡ khoảng 145 kg/năm; bao bì đựng vật liệu nổ công nghiệp khoảng 30 kg/năm...

- Thành phần: Dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu mỡ, bao bì đựng vật liệu nổ công nghiệp và vật liệu nổ công nghiệp kém chất lượng, bóng đèn huỳnh quang hỏng, mực in,...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.

3.1. Công trình thu gom, xử lý nước thải

a) Hệ thống thu gom, thoát nước mưa

- Khu vực khai thác: Áp dụng theo phương pháp tự chảy.

- Khu vực công trình phụ trợ: Hệ thống rãnh dọc (kích thước 0,5m x 0,5m x 0,5m) bằng gạch theo các trục đường nội bộ. Trên hệ thống rãnh thoát nước xây dựng các hố ga để thu cặn lắng đọng.

b) Công trình xử lý nước thải sinh hoạt: Xây dựng 03 bể tự hoại có tổng dung tích 54 m³.

3.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải

a) Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải do hoạt động khoan, nổ mìn

- Tuân thủ đúng quy trình, thiết kế nổ mìn theo đúng quy chuẩn QCVN 01: 2019/BCT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ).

- Sử dụng thiết bị khoan thủy lực loại hiện đại.

b) Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi tại khu vực chế biến

- Xung quanh trạm nghiền tiến hành trồng cây xanh.

- Bảo dưỡng hệ thống dàn phun nước dập bụi tại dây chuyền nghiền sàng đã có và đầu tư lắp đặt bổ sung 01 hệ thống dàn phun nước dập bụi tại dây chuyền nghiền sàng mới (gồm 1 ống dẫn nước có đường kính D21, trên ống khoan nhiều lỗ để lắp các béc phun sương có đường kính lỗ 1mm).

c) Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải trong quá trình bốc xúc, vận chuyển

- Sử dụng xe phun nước giảm bụi: Định mức sử dụng 1,2 lít/m², tần suất tưới nước 2 lần/ngày, những ngày nắng nóng, khô hanh thực hiện tưới nước với tần suất 4 lần/ngày.

- Trồng thêm cây xanh tại các khu vực phụ trợ.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn

a) Đối với chất thải sinh hoạt

- Được thu gom bằng các thùng chứa đặt tại các khu vực phát sinh chất thải, hàng ngày được tổ vệ sinh môi trường thu gom tập trung trước khi vận chuyển đi xử lý.

- Thuê đơn vị có chức năng, định kỳ 01 lần/ngày thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

b) Đối với đất đá thải: Một phần sử dụng để duy tu, bảo dưỡng tuyến đường vận chuyển trong mỏ và cải tạo mặt bằng trong quá trình khai thác. Phần còn lại được lưu chứa tại bãi thải tạm giáp khu vực tiếp nhận đá.

3.4. Công trình thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại (CTNH)

- Chất thải nguy hại tại khu vực bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị được thu gom bằng các thùng chứa dung tích 200 lít.

- Toàn bộ chất thải nguy hại được lưu chứa tạm tại kho chứa CTNH diện tích 20 m² trước khi được vận chuyển đi xử lý, tiêu hủy.

- Thuê đơn vị có chức năng định kỳ vận chuyển đi xử lý, tiêu hủy theo quy định về quản lý CTNH.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- Thực hiện khoan, nổ mìn theo đúng hộ chiếu khoan nổ mìn.

- Không nghiền, sàng đá vào buổi trưa và buổi tối.

- Lắp đặt thiết bị đạt tiêu chuẩn về độ ồn theo quy định hiện hành của Nhà nước; tăng chiều sâu móng, lắp đặt các đệm cao su giữa các mối nối để giảm thiểu tiếng ồn và độ rung.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

3.6. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường

- *Khu vực khai trường khai thác:* Thực hiện gia cố bờ sườn tầng và san gạt, phủ lớp đất màu với chiều dày trung bình 0,7 m lên mặt moong khai trường khai thác, rồi tiến hành đào hố trồng cây Keo tai tượng mật độ trồng 1.660 cây/ha.

- *Khu vực mặt bằng công nghiệp và công trình phụ trợ:* Sử dụng cho hoạt động khai thác trong giai đoạn tiếp theo (khu 1).

b) Dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ

- Tổng chi phí cải tạo, phục hồi môi trường: 977.022.826 đồng

- Số lần ký quỹ: 18 lần.

+ Lần 1, số tiền: 195.404.000 đồng.

+ Lần 2, 3, ..., 18 số tiền: 45.977.578 đồng/lần.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang.

- Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2020.

3.7. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a) Biện pháp đảm bảo an toàn lao động

- Xây dựng nội quy an toàn lao động và đăng ký với Sở Lao động thương binh xã hội theo quy định.

- Xây dựng và niêm yết đầy đủ nội quy, quy trình vận hành an toàn tại nơi làm việc đối với các loại máy móc, thiết bị có nguy cơ gây mất an toàn lao động.

- Tuyên truyền giáo dục ý thức của công nhân và được tập huấn về an toàn lao động theo quy định.

- Khai thác theo phương án thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân.

- Thực hiện kiểm tra sức khỏe định kỳ 6 tháng/lần cho công nhân lao động.

b) Biện pháp đảm bảo an toàn nổ mìn trong khai thác

- Thực hiện nghiêm túc quy trình quy phạm quản lý sử dụng chất nổ, thực hiện khoan bắn nổ mìn đúng quy phạm.

- Người lao động phải thực hiện huấn luyện và cấp chứng chỉ về sử dụng chất nổ công nghiệp mới được làm việc tại mỏ.

- Chấp hành hộ chiếu khoan nổ mìn đã được phê duyệt.

c) Biện pháp phòng chống cháy nổ

- Quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp theo đúng quy định.

- Trang bị đầy đủ hệ thống, thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy và hệ thống an toàn điện theo quy định.

- Xây dựng và niêm yết đầy đủ quy định về an toàn cháy nổ, an toàn sử dụng điện.

d) Biện pháp chống sạt lở đá

- Khai thác đúng vị trí mở vỉa, cự ly biên giới, chiều cao tầng, góc dốc của từng tầng khai thác.

- Đường vận tải nội bộ đảm bảo các thông số kỹ thuật, không bị lún và sa lầy vào mùa mưa, có rãnh thoát nước dọc song song tuyến đường.

- Xây dựng hệ thống thoát nước mỏ đảm bảo thoát nước kịp thời, hạn chế sạt lở, xói mòn do mưa.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án.

a) Giám sát môi trường không khí

- Vị trí giám sát: 05 vị trí, bao gồm: 02 mẫu khu vực nghiên sảng; 01 mẫu tại khu vực khai thác; 01 mẫu tại khu vực nhà điều hành mỏ; 01 mẫu tại vị trí đường vận chuyên (khu vực gần nhà dân).

- Thông số quan trắc: Vi khí hậu, hàm lượng bụi, tiếng ồn, CO, NO₂, SO₂.

- Tần suất: 03 tháng/lần.

- Tiêu chuẩn so sánh: QĐ 3733:2002/QĐ-BYT- Tiêu chuẩn của Bộ Y tế về vệ sinh lao động và QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT.

b) Giám sát môi trường nước thải

- Vị trí: 01 vị trí tại công nước thải sinh hoạt.

- Thông số phân tích: pH, độ màu, TSS, BOD₅, COD, tổng N, tổng P, Amoni, dầu mỡ, tổng Coliform.

- Tần suất: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, cột B-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

c) Giám sát chất thải rắn

+ Giám sát khối lượng chất thải rắn phát sinh tại khu vực phụ trợ của dự án theo từng chủng loại.

+ Tần suất: 06 tháng/lần.

e) Giám sát các vấn đề về môi trường

Thường xuyên theo dõi, giám sát các vấn đề về môi trường có thể xảy ra như sự cố cháy, nổ, thiên tai, sạt lở kịp thời thông báo khi xảy ra các sự cố môi trường đến cơ quan chức năng và địa phương để phối hợp xử lý.

6. Các điều kiện kèm theo.

6.1. Tuân thủ đúng các quy định hiện hành về Quy phạm kỹ thuật khai thác, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác lộ thiên và các giải pháp xử lý chất thải rắn, tiếng ồn, khói bụi, nước thải, khí thải trong quá trình khai thác, chế biến phải đảm bảo đạt yêu cầu theo quy định hiện hành về Quy chuẩn môi trường Việt Nam.

6.2. Quá trình triển khai dự án, chủ dự án phải tuân thủ nghiêm túc kế hoạch bóc lớp đất phủ bề mặt, xử lý thảm thực bì phù hợp với tiến độ triển khai dự án, nhu cầu diện tích sử dụng đất thực tế của hoạt động khai thác với phương châm khai thác đến đâu xử lý đến đó đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học.

6.3. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác đã cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

6.4. Đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quản lý và giám sát môi trường; tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

6.5. Thực hiện ký quỹ trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày được cấp giấy phép khai thác và ký quỹ hàng năm theo đúng quy định (ký quỹ tại Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang). Trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản mà thời hạn của giấy phép khác với thời gian đã tính trong Phương án cải tạo, phục hồi môi trường được phê duyệt thì đơn vị phải tính toán lại khoản tiền ký quỹ hàng năm phù hợp với thời hạn của giấy phép khai thác khoáng sản và gửi báo cáo về cơ quan có thẩm quyền để xem xét, điều chỉnh.

6.6. Phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành chính quyền địa phương giải quyết các vấn đề liên quan trong quá trình thực hiện dự án; thực hiện công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự đối với nhân dân địa phương, người lao động tham gia thi công và khi dự án đi vào vận hành hoạt động.

6.7. Hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành các hoạt động giám sát, kiểm tra việc thực hiện các nội dung cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến dự án khi được yêu cầu.
